

TAND TP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số:13/2020/DS-ST

Ngày: 09/6/2020.

Về việc: “*Tranh chấp HĐ tín dụng*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Vũ Thị Thanh Hòa.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đô

2. Bà Lê Thị Kiều Thu

Đại diện Việt kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Mỹ Thuận¹ Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2020/TLST-DS ngày 14/01/2020 “*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2020/QWXXST¹ DS ngày 04/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2020/QĐST-DS ngày 22/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ trụ sở chính: 35 V, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Đức T: ông Đinh Tuấn K, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam– Chi nhánh Bình Thuận theo Quyết định số 804/QĐ-BIDV ngày 22/08/2019 về việc ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự.

Ông Đinh Tuấn K ủy quyền cho ông Phạm Thanh H – Phó Giám đốc Phụ trách Phòng giao dịch P, Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam-Chi nhánh Bình Thuận theo giấy ủy quyền số 89/QĐ-BIDV.BT ngày 16/10/2019 (có mặt).

Địa chỉ liên lạc: 125 T, phường Đ, thành phố P, Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phúc L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Cùng trú tại: thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Thanh H, thể hiện như sau:**

Ngày 04/9/2018 giữa Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đ- Phòng giao dịch P và vợ chồng ông Nguyễn Phúc L, bà Nguyễn Thị H có ký kết Hợp đồng tín dụng số 861/2018/9098466/HĐTD với nội dung: Ngân hàng cho vay số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng; Thời hạn vay 11 tháng từ ngày 04/9/2018 đến ngày 04/8/2019; Kỳ hạn trả nợ: Nợ gốc trả một lần khi đến hạn, lãi vay trả hàng tháng vào ngày 25, bắt đầu trả lãi từ tháng 10/2018; Lãi suất vay: 9,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm theo lãi suất cho vay cùng kỳ được công bố tại Ngân hàng TMCP Đ; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh thu mua thanh long.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 657/2016/9098466/HĐBĐ ngày 24/10/2016 đã được Văn Phòng công chứng Viễn Đông ký chứng thực ngày 26/10/2016, số công chứng 3133, quyển số 02TP/CC-SCC. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AM 246672, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H01517 do UBND huyện H cấp ngày 21/7/2008; Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số R 645488, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 239QSDĐ/482 do UBND huyện H cấp ngày 08/5/2001 cập nhật biến động ngày 31/12/2013 và ngày 19/6/2016; Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BS 774534, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH01163 do UBND huyện H cấp ngày 01/7/2014 và Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BS 774535, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: CH01164 do UBND huyện H cấp ngày 01/7/2014.

Trong quá trình vay vốn, đến ngày 01/4/2019 Ngân hàng điều chỉ lại lãi suất là 10%/năm; ngày 26/7/2019 ông L, bà H đã nộp 1.600.000 đồng tiền lãi, sau đó đã không thực hiện đúng theo như cam kết trong hợp đồng tín dụng, không trả lãi theo như cam kết mặc dù đã được Ngân hàng nhắc nhở, đôn đốc nhiều lần. Do bên vay ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng tiền gốc là 1.000.000.000 đồng, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 09/6/2020 là 214.715.068 đồng (có bảng tính lãi suất kèm theo) và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trong trường ông L, bà H không trả cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản để thu hồi nợ.

*** Bị đơn ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo nộp văn bản ghi ý kiến, cung cấp tài liệu, chứng cứ; yêu cầu phản tố... nhưng bị đơn vẫn không trình bày cũng như cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Vụ việc đã được Tòa án hòa giải nhưng không được do bị đơn không đến tham gia hòa giải.

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn và bị đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 09/6/2020 là 214.715.068 đồng, tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng. Nếu ông L, bà H không trả số tiền trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H, hiện nay đang cư trú tại xóm 1, thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Tại mục 10 của Hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận nếu phát sinh tranh chấp thì các bên thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết là nơi giải quyết (là nơi có trụ sở của nguyên đơn), việc lựa chọn này là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H là bị đơn đã được Tòa án nhân dân Tp. Phan Thiết triệu tập họp lệ lần thứ 2 đến phiên tòa nhưng ông L, bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung khởi kiện của ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Phúc L, bà Nguyễn Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Xét Hợp đồng tín dụng số 861/2018/9098466/HĐTD ngày 04/9/2018 giữa ngân hàng với ông L, bà H đều được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên cho vay là ngân hàng với bên vay là ông L, bà H. Các bên tham gia hợp đồng có đủ

năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện nhu cầu của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng tín dụng có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bên cho vay là ngân hàng đã giải ngân, ông L, bà H đã nhận đủ số tiền vay theo đúng hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng này có hiệu lực pháp luật, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ pháp lý ràng buộc các bên giao kết phải thực hiện.

Khoản vay của ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H hiện tại vẫn do Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam Chi nhánh Bình Thuận quản lý, chưa bán hoặc chuyển giao quyền đòi nợ cho bất kỳ tổ chức, cá nhân nào. Do vậy, Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam có quyền khởi kiện đòi nợ đối với ông L và bà H. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện và các tài liệu, chứng nộ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã thanh toán số tiền vay, tiền lãi của hợp Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định ông L và bà H chưa thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 861/2018/9098466/HĐTD ngày 04/9/2018 như nguyên đơn đã trình bày.

[3] Về lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay trong hạn: 9,5%/năm và được điều chỉnh vào ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm theo lãi suất cho vay cùng loại được công bố tại Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam Chi nhánh Bình Thuận; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn là: 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: 10%/năm trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/lần chậm trả lãi. Ngày 01/4/2019 Ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất từ 9,5%/năm lên 10%/năm đối với lãi suất trong hạn. Thỏa thuận về lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TTNHN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy, yêu cầu tính lãi suất của Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam được chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ngân hàng chỉ yêu cầu các khoản lãi trong hạn và lãi suất quá hạn; không yêu cầu tính lãi suất chậm trả. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của Ngân hàng và phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Do ông L và bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng và Ngân hàng không liên lạc được với ông L và bà H nên đã vi phạm hợp đồng theo quy định mục 7 của Hợp đồng tín

dụng số 861/2018/9098466/HĐTD ngày 04/9/2018 và khoản 5 Điều 7 Điều khoản và điều kiện vay đính kèm Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, theo quy định tại Điều 9 của Điều khoản và điều kiện vay đính kèm Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam có quyền chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Căn cứ vào Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam, buộc ông L và bà H phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 09/6/2020 là 1.214.715.068 đồng (tiền gốc là 1.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 214.715.068 đồng) và tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/6/2020) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông L và bà H phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[5] Về yêu cầu của ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ:

Xét Hợp đồng thế chấp bất động sản số 657/2016/9098466/HĐBĐ ngày 24/10/2016 đã được Văn Phòng công chứng Viễn Đông ký chứng thực ngày 26/10/2016, số công chứng 3133, quyển số 02TP/CC-SCC được ký giữa bên nhận thế chấp là ngân hàng với bên thế chấp là ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H. Hợp đồng được ký bởi người đại diện hợp pháp của bên nhận thế chấp với bên thế chấp là chủ sở hữu tài sản hợp pháp. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, các thỏa thuận có nội dung và mục đích để thực hiện quyền nghĩa vụ của mỗi bên, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm; phù hợp với quy định của Điều 4, Điều 5 Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm và Điều 298, Điều 319 Bộ luật dân sự. Vì vậy, hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại hợp đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận trong trường hợp ông L, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng thì ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 657/2016/9098466/HĐBĐ ngày 24/10/2016 để thu hồi nợ.

[6] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã nộp 4.000.000 (*bốn triệu*) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H phải chịu chi phí này; vì vậy buộc ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán lại số tiền này cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 298, Điều 299, Điều 319, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 4 và Điều 5 của Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01-9-2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam.

Buộc ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam số tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 09/6/2020 số tiền là 1.214.715.068 (*Một tỷ hai trăm mười bốn triệu bảy trăm mười lăm ngàn không trăm sáu mươi tám*) đồng; trong đó: Số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 (*Một tỷ*) đồng và tiền nợ lãi là 214.715.068 đồng.

Kể từ ngày 10/6/2020, ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên

thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông L và bà H phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H không trả được số nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, bán tài sản của ông Nguyễn Phúc Luận và bà Nguyễn Thị Hưng đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 657/2016/9098466/HĐBĐ ngày 24/10/2016 đã được Văn Phòng công chứng Viễn Đông ký chứng thực ngày 26/10/2016, số công chứng 3133, quyển số 02TP/CC-SCC để thu hồi nợ.

3/ Án phí: Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 23.043.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005370 ngày 13/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết cho Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam.

Ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 48.441.000 (*Bốn mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn*) đồng.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật là 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng. Ngân hàng TMCP Đ Việt Nam đã tạm ứng số tiền 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng; vì vậy ông L, bà H phải thanh toán lại số tiền này cho Ngân hàng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Phúc L và bà Nguyễn Thị H là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS Tp. Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp. Phan Thiết;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- *Đương sự;*
- *Lưu*

Vũ Thị Thanh Hòa